TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 111/2024/QĐST-HNGĐ	*Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 23 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 471/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông Nguyễn Nhật N, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Thanh Sơn, thành phố P, tỉnh N.

Và bà Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn C, xã Thành H, thành phố P, tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhật N và bà Trần Thị Thanh T tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh S, thành phố P, tỉnh N vào năm 2010. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi, vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ lúc mâu thuẫn cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên hai vợ chồng yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Nhật N và bà Trần Thị Thanh T có 03 con chung tên Nguyễn Trần Bảo Q, sinh ngày: 24/4/2019; Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày: 20/10/2011 và Nguyễn Trần Bảo Nh, sinh ngày: 26/12/2009. Khi ly hôn, ông

Nguyễn Nhật N và bà Trần Thị Thanh T thỏa thuận giao cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Ông Nguyễn Nhật N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thị Thanh T không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Nhật N và bà Trần Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Nhật N và bà Trần Thị Thanh T, mỗi người phải chịu 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhật N và bà Trần Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Trần Bảo Q, sinh ngày: 24/4/2019; Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày: 20/10/2011 và Nguyễn Trần Bảo Nh, sinh ngày: 26/12/2009 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Nhật N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Thị Thanh T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Nhật N và bà Trần Thị Thanh T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông Nguyễn Nhật N và bà Trần Thị Thanh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002993 ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh N. Ông Nguyễn Nhật N và bà Trần Thị Thanh T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường Thanh S;
- TAND tỉnh N;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hồng